

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG: TRUNG TÂM TƯ VẤN, PHẢN BIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN VÀ CẢ NƯỚC

UNIVERSITY OF ECONOMICS - THE UNIVERSITY OF DANANG: A CENTER FOR POLICY CONSULTATION AND CRITIQUE IN SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT OF CENTRAL - CENTRAL HIGHLANDS REGION AND VIETNAM

Ngày nhận bài: 01/04/2025

Ngày nhận bản sửa: 19/05/2025

Ngày chấp nhận đăng: 22/05/2025

Bùi Quang Bình[✉], Bùi Phan Nhã Khanh

TÓM TẮT

Trong bối cảnh miền Trung-Tây Nguyên đang đứng trước yêu cầu cấp bách phải hoàn thiện khung chính sách để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh vùng, bài viết khẳng định DUE là trung tâm tư vấn - phản biện chiến lược, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu học thuật và hoạch định công. Mục tiêu của bài báo là: (1) định vị vai trò của DUE trong tư vấn chính sách vùng và quốc gia; (2) làm rõ cơ sở lý luận “Hệ thống Đổi mới Quốc gia” và bài học quốc tế về vận dụng nghiên cứu vào chính sách công; (3) đánh giá thực trạng, hiệu quả các hoạt động tư vấn của DUE trên các lĩnh vực cạnh tranh vùng, du lịch bền vững, tài chính công nghệ và logistics; (4) nhận diện thách thức về nguồn lực, công nghệ và tầm ảnh hưởng; (5) đề xuất giải pháp liên ngành, mở rộng hợp tác quốc tế, ứng dụng Big Data-AI và đào tạo chuyên gia. Phương pháp gồm tổng quan tài liệu, phân tích các tài liệu, kết quả nghiên cứu tư vấn, và khái quát các kết quả. Kết quả cho thấy các đề xuất của DUE đã được đưa vào nghị quyết và chương trình phát triển, làm rõ mô hình tư vấn liên ngành và ứng dụng thành công Big Data-AI trong đánh giá chính sách. Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị hoàn thiện cơ sở dữ liệu chính sách, xây dựng cơ chế “một cửa” nghiên cứu-chính sách, tăng cường hợp tác quốc tế và đào tạo chuyên sâu để nâng cao tính hiệu quả, thực tiễn của tư vấn - phản biện chính sách.

Từ khóa: DUE; Tư vấn chính sách; Phản biện chính sách; Miền Trung - Tây Nguyên.

ABSTRACT

In the context of the Central Highlands' urgent need to refine its policy framework to foster innovation and enhance regional competitiveness, this paper positions DUE as a strategic policy advisory and critical-review hub that bridges academic research and public policy. Its objectives are to (1) establish DUE's role in regional and national policy consultation; (2) elucidate the theoretical foundations of the “National Innovation System” and draw international lessons on integrating research into public policymaking; (3) assess the current state and effectiveness of DUE's advisory activities across regional competitiveness, sustainable tourism, fintech, and logistics; (4) identify challenges related to resources, technology, and influence; and (5) propose interdisciplinary solutions, expanded international collaboration, Big Data-AI applications, and specialist training. Using a methodology of literature review, analysis of policy documents and advisory outputs, and synthesis of key findings, the study shows that DUE's recommendations have been incorporated into national resolutions and development programs, clarifies its interdisciplinary advisory model, and demonstrates successful Big Data-AI implementation in policy evaluation. Based on these insights, the paper recommends completing a comprehensive policy database, establishing a “one-stop” research-policy interface, strengthening international partnerships, and providing advanced training to improve the impact and practicality of policy advisory and review.

Keywords: DUE; Policy consultation; Policy critique; Central and Central Highlands regions of Vietnam.

1. Cơ sở lý luận về hoạt động tư vấn, phản biện chính sách của trường đại học

1.1. Các lý thuyết liên quan

Hoạt động tư vấn và phản biện chính sách của các trường đại học dựa trên nhiều lý thuyết kinh tế và quản trị, trong đó nổi bật là các lý thuyết sau.

Lý thuyết Hệ thống đổi mới Quốc gia của Freeman (1987) và Lundvall (1992) nhấn mạnh rằng đổi mới không diễn ra một cách độc lập mà là kết quả của sự tương tác giữa các tổ chức khoa học, doanh nghiệp và chính phủ. Theo lý thuyết này, các trường đại học không chỉ tạo ra tri thức mà còn đóng vai trò trung tâm trong việc truyền tải tri thức vào hệ thống chính sách và đổi mới. Trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập, các trường đại học tham gia tư vấn về chính sách đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức (Freeman, 1987; Lundvall, 1992).

Mô hình Tam giác tri thức của Etzkowitz và Leydesdorff (1997) phát triển từ lý thuyết Hệ thống Đổi mới Quốc gia (NIS), chỉ ra rằng sự tương tác chặt chẽ giữa trường đại học - chính phủ - doanh nghiệp là động lực quan trọng để thúc đẩy đổi mới và phát triển kinh tế. Theo mô hình này, trường đại học không chỉ đóng vai trò trong giáo dục và nghiên cứu mà còn tích cực tham gia vào hoạch định chính sách, cung cấp bằng chứng khoa học và thúc đẩy hợp tác công - tư. Đặc biệt, trong các lĩnh vực như tài chính, kinh tế số và công nghệ công nghệ cao, trường đại học trở thành cầu nối giữa nghiên cứu hàn lâm và thực tiễn chính sách (Etzkowitz và Leydesdorff, 1997).

Lý thuyết Quản trị công mới của Hood (1991) tập trung vào cải cách khu vực công

theo hướng thị trường, đề cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả trong quản lý nhà nước. Theo lý thuyết này, các trường đại học có vai trò quan trọng trong việc tư vấn chính sách cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý công và tối ưu hóa nguồn lực trong khu vực công. Trong bối cảnh chuyển đổi số, trường đại học có thể hỗ trợ chính quyền áp dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả điều hành và cung cấp dịch vụ công thông minh (Hood, 1991).

Lý thuyết Kinh tế học thể chế của North (1990) nhấn mạnh rằng thể chế là yếu tố cốt lõi quyết định sự phát triển của nền kinh tế. Một hệ thống thể chế minh bạch, ổn định và hiệu quả sẽ tạo ra môi trường thuận lợi cho đổi mới và tăng trưởng kinh tế. Theo lý thuyết này, trường đại học có thể đóng vai trò tư vấn, phản biện và đánh giá các chính sách thể chế, góp phần cải thiện khung pháp lý, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế (North, 1990).

Những lý thuyết trên cung cấp nền tảng quan trọng cho hoạt động tư vấn và phản biện chính sách của các trường đại học, giúp kết nối giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn phát triển, từ đó thúc đẩy đổi mới, nâng cao năng lực quản trị và cải thiện môi trường kinh tế - xã hội.

1.2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan

Hoạt động tư vấn và phản biện chính sách tại các trường đại học ngày càng được coi là một chức năng cốt lõi, góp phần kết nối tri thức học thuật với thực tiễn hoạch định và thực thi chính sách công. Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy, sự tham gia của trường đại học trong tư vấn chính sách có thể nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hỗ trợ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường thể chế. Theo Nguyễn Thanh Nga và Lê Quang Thuận (2021), việc phát triển các tổ chức nghiên cứu, tư vấn trong lĩnh vực tài chính công đóng vai trò

trung gian kết nối giữa nhà hoạch định chính sách và cộng đồng, góp phần nâng cao năng lực phân tích và minh bạch trong điều hành tài chính quốc gia. Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (UEB) là một ví dụ tiêu biểu ở Việt Nam với nhiều báo cáo và hội thảo chuyên sâu về chuyển đổi số, FDI và kinh tế vùng, đóng góp trực tiếp cho hoạch định chính sách (UEB, 2024). Bên cạnh đó, các trường chính trị địa phương cũng đóng vai trò nghiên cứu và tổng kết thực tiễn, dù còn gặp khó khăn về tiềm lực nghiên cứu và cơ chế hỗ trợ. Ngoài ra, Đại học Bách khoa Hà Nội cho thấy xu hướng định hướng nghiên cứu gắn với phát triển kinh tế tri thức, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh (Nhật Minh, 2024). Những mô hình nghiên cứu về liên kết đại học công lập cũng được đề xuất nhằm tăng cường hiệu quả tự chủ đại học và hỗ trợ hoạch định chính sách phát triển giáo dục đại học công (Trần Quang Bách, 2021). Các nghiên cứu trên gợi mở hướng đi cho các trường đại học tại Việt Nam, bao gồm việc nâng cao chất lượng nghiên cứu, phát triển trung tâm tư vấn chính sách, tăng cường liên kết đa ngành và ứng dụng công nghệ số trong phân tích chính sách.

Bên cạnh các nghiên cứu quốc tế, nhiều công trình trong nước cũng đã nhấn mạnh vai trò thiết yếu của các trường đại học trong tư vấn và phản biện chính sách công. Nguyễn Quốc Chiến (2020) chỉ ra rằng đổi mới giáo dục đại học không chỉ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo mà còn để đáp ứng tốt hơn yêu cầu hoạch định và thực thi chính sách công trong bối cảnh mới. Bài viết nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường liên kết giữa nhà trường và cơ quan quản lý nhà nước để nâng cao hiệu quả phản biện xã hội và hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng. Nguyễn Văn Tuấn (2017) tiếp cận từ góc độ hội nhập quốc tế, khẳng định rằng các trường đại học ở Việt Nam cần phát huy vai trò phản biện xã hội thông qua các hoạt động nghiên cứu, tư vấn

và đề xuất chính sách. Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò cầu nối tri thức giữa các bên liên quan - chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng - nhằm tạo ra các giải pháp phát triển phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa. Trong khi đó, Lê Quang Cảnh (2018) tập trung vào trách nhiệm xã hội của trường đại học, xem đây là một phần không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững của các cơ sở giáo dục đại học. Theo tác giả, thông qua các công trình nghiên cứu ứng dụng và tư vấn chính sách, các trường đại học có thể góp phần nâng cao năng lực quản trị địa phương, cải thiện thể chế và thúc đẩy phát triển vùng.

Những nghiên cứu này củng cố luận điểm rằng các trường đại học, đặc biệt là các trường đại học trọng điểm như Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, có thể và cần phải đóng vai trò trung tâm trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và phát triển chính sách công, từ đó tạo tác động thực chất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương và quốc gia.

1.3. Kinh nghiệm tư vấn chính sách từ các trường đại học quốc tế

Hoạt động tư vấn và phản biện chính sách của các trường đại học đóng vai trò cầu nối giữa nghiên cứu hàn lâm và thực tiễn hoạch định chính sách, hỗ trợ chính phủ trong việc xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Các mô hình thành công từ các trường sau:

Harvard Kennedy School (HKS - Hoa Kỳ) là một trong những trung tâm nghiên cứu chính sách công hàng đầu thế giới, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu học thuật và thực tiễn hoạch định chính sách. Trường có nhiều trung tâm nghiên cứu như Ash Center for Democratic Governance and Innovation và Center for International Development (CID), chuyên tư vấn về cải cách thể chế, đổi mới quản trị công, phát triển đô thị thông minh và tài chính công. HKS không chỉ cung cấp báo

cáo nghiên cứu mà còn trực tiếp tham gia vào việc đào tạo đội ngũ lãnh đạo cấp cao cho chính phủ Mỹ và nhiều quốc gia khác. Bài học cho DUE là thành lập trung tâm nghiên cứu chính sách chuyên sâu, kết hợp nghiên cứu với tư vấn thực tiễn cho chính quyền địa phương. Phát triển các chương trình đào tạo lãnh đạo chính sách, giúp cán bộ quản lý tiếp cận các mô hình hoạch định chính sách tiên tiến.

London School of Economics and Political Science (LSE - Anh) là mô hình trường đại học nghiên cứu đa ngành và hợp tác quốc tế. LSE có thế mạnh về chính sách kinh tế vĩ mô, tài chính quốc tế và phát triển bền vững, với nhiều trung tâm nghiên cứu như International Growth Centre (IGC) và Centre for Economic Performance (CEP). Trường hợp tác với IMF, WB và nhiều chính phủ để đưa ra các khuyến nghị chính sách dựa trên phân tích kinh tế lượng và dữ liệu lớn. Ngoài ra, LSE cũng tích cực tư vấn chính sách về cấu trúc thể chế, phát triển thị trường lao động và chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Bài học cho DUE là phát triển mô hình nghiên cứu đa ngành, kết hợp kinh tế, khoa học dữ liệu và quản trị công để nâng cao chất lượng phân tích chính sách. Mở rộng hợp tác quốc tế, liên kết với các tổ chức tài chính lớn và chính phủ nước ngoài để nâng cao phạm vi tác động của nghiên cứu.

National University of Singapore (NUS - Singapore) là mô hình trường đại học về đổi mới chính sách và đào tạo lãnh đạo. NUS, đặc biệt là Lee Kuan Yew School of Public Policy (LKYSPP), là trung tâm nghiên cứu chính sách hàng đầu châu Á, cung cấp tư vấn về quản lý đô thị thông minh, tài chính công, đổi mới sáng tạo và thương mại quốc tế. Trường có mô hình hợp tác chặt chẽ với chính phủ Singapore để đảm bảo nghiên cứu mang tính ứng dụng cao. Đồng thời, NUS cũng tập trung vào đào tạo đội ngũ lãnh đạo cấp cao, giúp chính phủ có nguồn nhân lực chất lượng trong hoạch định chính sách. Bài học cho DUE là tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh như phát

triển khu thương mại tự do, trung tâm logistics, đô thị hóa và đổi mới sáng tạo. Kết hợp nghiên cứu với đào tạo lãnh đạo, tổ chức các chương trình bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU - Việt Nam) là mô hình trường đại học tư vấn chính sách kinh tế vùng và tài chính công. NEU có nhiều nghiên cứu quan trọng về đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển doanh nghiệp, tài chính công và chính sách kinh tế vùng. Trường tham gia trực tiếp vào các chương trình tư vấn chính sách của Chính phủ, hỗ trợ các bộ ngành xây dựng chiến lược phát triển kinh tế quốc gia. NEU cũng tập trung vào phân tích tác động của các hiệp định thương mại tự do đến nền kinh tế Việt Nam, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định chính sách. Bài học cho DUE là đẩy mạnh nghiên cứu kinh tế vùng và phát triển doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng của miền Trung. Tham gia đánh giá tác động chính sách, cung cấp khuyến nghị khoa học giúp chính quyền địa phương xây dựng chiến lược phát triển bền vững.

Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH - Việt Nam) là mô hình trường đại học về chính sách tài chính công và phát triển đô thị. UEH có thế mạnh về tài chính, thương mại, phát triển kinh tế số và cải cách hành chính, đóng vai trò quan trọng trong tư vấn chính sách tài chính công và quy hoạch đô thị. Trường có sự hợp tác chặt chẽ với chính quyền TP. Hồ Chí Minh, hỗ trợ nghiên cứu các giải pháp về tài chính công, quản lý ngân sách, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế số. Bài học cho DUE là phát triển các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về tài chính công, quy hoạch đô thị và thương mại quốc tế để phục vụ phát triển vùng miền Trung. Tăng cường hợp tác với chính quyền địa phương, xây dựng cơ chế tư vấn chính sách sát với thực tiễn phát triển của Đà Nẵng và khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Những bài học rút ra: *Thứ nhất*, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (DUE) cần xây dựng trung tâm nghiên cứu chính sách công, tập trung vào các lĩnh vực then chốt như kinh tế vùng, logistics, tài chính công, đô thị hóa và đổi mới sáng tạo. Trung tâm này sẽ là nơi tổng hợp, phân tích dữ liệu và cung cấp khuyến nghị chính sách dựa trên cơ sở khoa học, hỗ trợ chính quyền địa phương và doanh nghiệp trong việc hoạch định chiến lược phát triển bền vững. *Thứ hai*, DUE cần phát triển mô hình nghiên cứu đa ngành, kết hợp giữa kinh tế học, khoa học dữ liệu và quản trị công nhằm nâng cao chất lượng phân tích chính sách. Việc tích hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính sẽ giúp trường đưa ra các khuyến nghị chính sách có tính thực tiễn cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. *Thứ ba*, mở rộng hợp tác quốc tế là yếu tố quan trọng, DUE cần tăng cường liên kết với các trường đại học danh tiếng như Harvard Kennedy School (HKS), London School of Economics (LSE), National University of Singapore (NUS), cũng như các tổ chức tài chính quốc tế như WB, IMF. Những mối quan hệ này sẽ giúp trường tiếp cận với các nghiên cứu chính sách tiên tiến, nâng cao năng lực tư vấn và mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong hoạch định chính sách. *Thứ tư*, DUE cần ứng dụng công nghệ vào nghiên cứu và tư vấn chính sách, đặc biệt là khai thác dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích, dự báo kinh tế. Việc sử dụng các công cụ phân tích hiện đại sẽ giúp trường cung cấp thông tin chính xác hơn, hỗ trợ chính quyền và doanh nghiệp ra quyết định hiệu quả trong bối cảnh kinh tế số. *Thứ năm*, đào tạo nhân lực phục vụ hoạch định chính sách là một nhiệm vụ quan trọng, DUE cần phát triển các chương trình đào tạo chuyên biệt dành cho cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp. Việc tổ chức các khóa học ngắn hạn về quản trị công, chính sách

kinh tế, tài chính công sẽ giúp nâng cao năng lực cho đội ngũ lãnh đạo, đồng thời tạo cầu nối giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn quản lý. Với những định hướng trên, DUE có thể khẳng định vị thế là trung tâm nghiên cứu và tư vấn chính sách hàng đầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu của bài viết được triển khai theo hướng tiếp cận tổng hợp, dựa trên các khung lý thuyết hiện đại và thực tiễn nghiên cứu về vai trò của trường đại học trong tư vấn, phản biện chính sách. Trước hết, nghiên cứu vận dụng lý thuyết Hệ thống đổi mới quốc gia của Freeman (1987) và Lundvall (1992), nhấn mạnh mối quan hệ giữa trường đại học, chính quyền và doanh nghiệp trong việc thúc đẩy đổi mới và hoạch định chính sách. Đồng thời, mô hình Tam giác tri thức của Etzkowitz và Leydesdorff (1997) được vận dụng để phân tích vai trò của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (DUE) như một tác nhân trung tâm trong quá trình kết nối tri thức với hoạt động thực tiễn chính sách. Lý thuyết Kinh tế học thể chế của North cũng được sử dụng để làm rõ mối liên hệ giữa thể chế, chính sách và năng lực tư vấn của các trường đại học trong bối cảnh chuyển đổi.

Trên nền tảng lý thuyết đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính làm chủ đạo, kết hợp và so sánh đối chiếu. Dữ liệu được thu thập từ hai nguồn chính: dữ liệu thứ cấp bao gồm các đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp địa phương do giảng viên DUE thực hiện; các bài báo khoa học; các văn kiện chính sách như Nghị quyết 26-NQ/TW năm 2022 và Nghị quyết 136/2024/QH15; cùng với báo cáo thường niên kinh tế Đà Nẵng và các báo cáo chuyên đề.

Về phương pháp phân tích, bài viết tiến hành phân loại và hệ thống hóa các nghiên cứu khoa học có tác động chính sách, đồng thời sử dụng phân tích thông kê để đánh giá đóng góp thông qua số lượng đề tài, số lần tham gia phản biện hoặc tư vấn chính sách. Ngoài ra, phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study) được sử dụng để làm rõ một số minh chứng cụ thể, như đóng góp của DUE vào Nghị quyết 136/2024/QH15 hay các khuyến nghị trong báo cáo thường niên về năng lực cạnh tranh của thành phố Đà Nẵng. Phương pháp so sánh được vận dụng để đối chiếu hoạt động tư vấn của DUE với các trường đại học trong và ngoài nước như ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Kinh tế TP.HCM, Harvard Kennedy School, LSE và NUS, từ đó rút ra bài học áp dụng cho DUE trong giai đoạn sắp tới.

Nhờ kết hợp chặt chẽ giữa nền tảng lý luận và dữ liệu thực tiễn, bài viết đánh giá một cách toàn diện vai trò, tác động cũng như triển vọng phát triển hoạt động tư vấn, phản biện chính sách của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng trong chiến lược phát triển vùng và quốc gia.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng hoạt động tư vấn, phản biện chính sách của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

3.1.1. Định hướng và chiến lược tư vấn chính sách của DUE

Thứ nhất, DUE đặt mục tiêu tư vấn chính sách nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tập trung vào việc cung cấp các nghiên cứu và giải pháp chính sách chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững của địa phương và quốc gia. Trường ưu tiên nghiên cứu trong các lĩnh vực quan trọng như phát triển đô thị, công nghệ cao, nguồn nhân lực chất lượng cao, dịch vụ du lịch, tài chính ngân hàng và logistics. Đặc biệt, DUE hướng đến

việc cải thiện năng lực cạnh tranh của Đà Nẵng, tận dụng các cơ chế, chính sách đặc thù để khai thác tiềm năng, tháo gỡ điểm nghẽn và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Thứ hai, DUE tăng cường liên kết với chính quyền địa phương và doanh nghiệp, đóng vai trò cầu nối giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn quản lý. Trường chủ động hợp tác với các bộ, ngành và địa phương để tổ chức hội thảo khoa học, tham vấn, phản biện chính sách và đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, DUE cũng đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp nhằm tạo ra môi trường thực hành thực tiễn cho sinh viên, giúp nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, trường tập trung xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên, góp phần tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Với những định hướng này, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng khẳng định vị thế là trung tâm tư vấn chính sách hàng đầu khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

3.1.2. Nghiên cứu và công bố khoa học làm cơ sở tư vấn chính sách

Nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách kinh tế - xã hội, giúp đảm bảo tính khoa học, khả thi và phù hợp với thực tiễn. Theo lý thuyết Hệ thống Đổi mới Quốc gia (National Innovation System - NIS) của Freeman (1987) và Lundvall (1992), sự kết nối giữa các trường đại học, chính phủ và doanh nghiệp là yếu tố cốt lõi để thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững. Trong bối cảnh này, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (DUE) đã thực hiện nhiều nghiên cứu khoa học nhằm cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho các nhà hoạch định chính sách.

Một số nghiên cứu tiêu biểu của DUE có tác động quan trọng đến chính sách kinh tế - xã hội. Chẳng hạn, đề tài cấp Nhà nước “Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, mã số KX.04/11-15 đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng lại mô hình tăng trưởng của Việt Nam theo hướng nâng cao năng suất và đổi mới sáng tạo (Trương Bá Thanh và cộng sự, 2015). Điều này phù hợp với lý thuyết Tăng trưởng kinh tế nội sinh của Romer (1990), nhấn mạnh vai trò của tri thức và công nghệ trong thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Nhà nước “Tác động của biến động dân số đến phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam”, mã số Kinh tế-II.6.2 giúp điều chỉnh chính sách lao động, an sinh xã hội và quy hoạch đô thị (Bùi Quang Bình và cộng sự, 2016). Dữ liệu từ nghiên cứu này được sử dụng để hỗ trợ việc dự báo nguồn nhân lực, phù hợp với lý thuyết Chuyển đổi cơ cấu lao động của Lewis (1954), chỉ ra rằng sự dịch chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ là động lực chính của tăng trưởng. Bên cạnh đó, đề tài cấp Nhà nước (đề tài Nafosted) “Tác động của báo chí truyền thông đến thanh khoản và tính thông tin của giá cổ phiếu”, mã số 502.02-2015.07 cung cấp bằng chứng về mối liên hệ giữa truyền thông và thị trường tài chính, giúp các cơ quan quản lý đưa ra chính sách minh bạch hóa thông tin thị trường chứng khoán (Đặng Tùng Lâm và cộng sự, 2019). Kết quả nghiên cứu gắn liền với lý thuyết Thông tin bất cân xứng của Akerlof (1970), nhấn mạnh rằng sự không minh bạch thông tin có thể làm méo mó thị trường tài chính. Đề tài cấp Thành phố “Nghiên cứu TFP trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Nam thời kỳ 1997-2013: Trường hợp ngành công nghiệp tỉnh Quảng Nam”, mã số 27/TB-SKHCN đánh giá đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế địa phương, từ đó đề xuất các chính

sách nâng cao năng suất lao động và đầu tư vào công nghệ (Bùi Quang Bình và cộng sự, 2015). Điều này phù hợp với mô hình Tích lũy vốn nhân lực của Becker (1964), khẳng định rằng đầu tư vào tri thức và kỹ năng lao động giúp gia tăng năng suất và thu nhập quốc gia.

Những nghiên cứu trên không chỉ có giá trị học thuật mà còn đóng vai trò nền tảng cho việc hoạch định chính sách phát triển bền vững, giúp chính quyền địa phương và doanh nghiệp đưa ra quyết định dựa trên bằng chứng khoa học.

3.1.3. Tham gia phản biện và tư vấn chính sách cấp vùng và quốc gia

Bên cạnh việc thực hiện các nghiên cứu khoa học, DUE còn tích cực tham gia tư vấn chính sách cấp cao, phản biện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Theo lý thuyết Quản trị công mới (New Public Management - NPM) của Hood (1991), việc áp dụng phương thức quản trị dựa trên hiệu quả, trách nhiệm giải trình và dữ liệu khoa học là yếu tố then chốt trong quản lý công. Trên cơ sở đó, các chuyên gia của DUE đã tham gia vào nhiều hoạt động tư vấn chính sách quan trọng, bao gồm:

Thứ nhất, đóng góp vào Văn kiện Đại hội Đảng từ Đại hội X đến XIII: DUE đã tư vấn về các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, đặc biệt là về tăng trưởng bền vững, phát triển công nghệ cao, logistics và tài chính. Điều này giúp nâng cao tính khoa học trong hoạch định chính sách, gắn liền với lý thuyết Kinh tế học thể chế của North (1990), nhấn mạnh vai trò của thể chế trong sự phát triển của nền kinh tế.

Thứ hai, tư vấn xây dựng Nghị quyết 26-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ: Các chuyên gia của DUE đã tham gia xây dựng chính sách liên kết vùng, tối ưu hóa đầu tư công, phát triển hạ tầng và nâng cao năng

lực cạnh tranh địa phương. Điều này phù hợp với kinh nghiệm quốc tế, điển hình như mô hình quy hoạch vùng của EU, trong đó các trường đại học đóng vai trò cung cấp dữ liệu và nghiên cứu hỗ trợ chính sách phát triển bền vững.

Thứ ba, tham gia góp ý và phản biện Nghị quyết 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và cơ chế đặc thù cho Đà Nẵng: Nghị quyết này đưa ra 30 cơ chế chính sách mới, trong đó có 9 chính sách về tổ chức chính quyền đô thị và 21 chính sách phát triển kinh tế - xã hội. DUE đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn các chính sách cải cách hành chính, phân cấp quản lý và phát triển đô thị thông minh.

Thứ tư, thực hiện Báo cáo thường niên kinh tế Đà Nẵng hỗ trợ chính quyền xây dựng chính sách phát triển bền vững: Báo cáo này tập trung đánh giá năng lực cạnh tranh của Đà Nẵng, phân tích động lực tăng trưởng, các lĩnh vực trụ cột như thương mại, du lịch, logistics, tài chính và công nghệ. Báo cáo cũng đề xuất các giải pháp nhằm phát triển khu thương mại tự do, đẩy mạnh chuyển đổi số và tăng cường liên kết vùng.

Với những đóng góp này, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm tư vấn, phản biện chính sách hàng đầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên, đóng góp tích cực vào quá trình hoạch định chính sách phát triển bền vững của địa phương và cả nước. Sự tham gia của trường đại học vào quá trình xây dựng chính sách không chỉ giúp nâng cao tính khoa học trong quản trị công mà còn tạo điều kiện cho Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung tận dụng tối đa lợi thế kinh tế, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.

3.1.4. Phản biện và tư vấn nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (DUE) đã có những đóng góp quan

trọng trong phản biện và tư vấn chính sách nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Các nghiên cứu và đề tài khoa học do giảng viên thực hiện không chỉ cung cấp luận cứ khoa học mà còn tham gia trực tiếp vào xây dựng chính sách phát triển địa phương và quốc gia.

Trước hết, DUE đã thực hiện nhiều nghiên cứu về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đánh giá các yếu tố tác động và đề xuất chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư. Những nghiên cứu này phù hợp với Lý thuyết Kinh tế học thể chế, nhấn mạnh vai trò của thể chế và chính sách trong thúc đẩy phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư đã đề xuất các chính sách thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý và cải thiện môi trường kinh doanh, phù hợp với Lý thuyết Quản trị công mới (New Public Management - NPM), tập trung vào nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước và giảm bớt rào cản hành chính.

Trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, DUE đã có nhiều nghiên cứu về phát triển công nghiệp địa phương, tạo điều kiện thúc đẩy chuỗi cung ứng và gia tăng giá trị sản phẩm. Những nghiên cứu này phản ánh Mô hình Tam giác tri thức (Triple Helix Model), nhấn mạnh sự phối hợp giữa trường đại học, chính quyền và doanh nghiệp trong việc phát triển kinh tế vùng.

Ngoài ra, DUE còn tham gia phản biện chính sách cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), đề xuất cải cách hành chính, phát triển hệ thống đăng ký kinh doanh và giám sát doanh nghiệp. Những nghiên cứu này đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ chính quyền địa phương xác định rào cản thể chế và thúc đẩy cải cách nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của môi trường kinh doanh.

Tổng quan, các nghiên cứu của DUE đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và cải

thiện môi trường đầu tư tại miền Trung - Tây Nguyên. Tuy nhiên, để tăng cường tác động thực tiễn, cần mở rộng hợp tác giữa nhà trường, chính quyền và doanh nghiệp, đồng thời ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong phân tích chính sách. Việc kết hợp các mô hình kinh tế hiện đại và công cụ phân tích tiên tiến sẽ giúp DUE tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm tư vấn chính sách hàng đầu trong khu vực.

3.1.5. Tư vấn phát triển tài chính, thương mại và kinh tế số

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (DUE) đã có nhiều đóng góp quan trọng trong nghiên cứu, phản biện và tư vấn chính sách về tài chính, thương mại và kinh tế số. Những nghiên cứu này không chỉ giúp nâng cao năng lực quản lý tài chính, thương mại mà còn góp phần định hình chiến lược phát triển của Đà Nẵng hướng đến trở thành trung tâm tài chính khu vực và khu thương mại tự do.

DUE đã thực hiện nhiều nghiên cứu về thị trường tài chính, tác động của sở hữu cổ đông lớn, thanh khoản cổ phiếu và ảnh hưởng của các yếu tố chính sách tài chính đến doanh nghiệp. Các nghiên cứu về ảnh hưởng của sở hữu nước ngoài đến giá cổ phiếu trong khủng hoảng tài chính toàn cầu, quản trị lợi nhuận và tính thông tin của giá cổ phiếu, hay đồng biến động giá cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM đã giúp nâng cao hiểu biết về quản trị doanh nghiệp và thị trường tài chính. Những nghiên cứu này phù hợp với lý thuyết Kinh tế học thể chế, nhấn mạnh vai trò của thể chế và chính sách tài chính trong tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, sự minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính cũng được nhấn mạnh theo mô hình Quản trị công mới (New Public Management - NPM), giúp gia tăng hiệu quả quản lý tài chính và thu hút đầu tư.

Trong lĩnh vực thương mại, DUE đã có những nghiên cứu quan trọng về tác động của logistics và thương mại điện tử đến hoạt động doanh nghiệp. Các nghiên cứu đánh giá tác động của ngành du lịch đến tăng trưởng kinh tế Quảng Nam, sự tác động của logistics đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại Vùng Kinh tế Trọng điểm miền Trung, hay ứng dụng thương mại điện tử trong du lịch cho thấy tầm quan trọng của thương mại số và chuỗi cung ứng hiện đại. Những nghiên cứu này phản ánh sự tương tác chặt chẽ giữa trường đại học, chính quyền và doanh nghiệp trong phát triển thương mại và logistics, phù hợp với mô hình Tam giác tri thức (Triple Helix Model). Điều này cho thấy DUE không chỉ nghiên cứu lý thuyết mà còn hỗ trợ xây dựng chiến lược thực tiễn giúp cải thiện hiệu suất hoạt động doanh nghiệp và gia tăng năng lực cạnh tranh vùng.

Với xu hướng chuyển đổi số, Đà Nẵng đang hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm tài chính khu vực và khu thương mại tự do. Các nghiên cứu của DUE đã đóng góp đáng kể vào định hướng này, thông qua các nghiên cứu về kinh tế số, phát triển fintech và thanh toán điện tử. Việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng dịch vụ Internet banking, tác động của dịch vụ logistics đến xuất khẩu và thương mại điện tử đã cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Những nghiên cứu này phù hợp với lý thuyết Hệ thống Đổi mới Quốc gia (NIS), nhấn mạnh vai trò của thể chế và chính sách trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hội nhập kinh tế.

Đặc biệt, với tư duy mở về phát triển khu thương mại tự do Đà Nẵng, DUE đã có những đóng góp quan trọng trong việc tư vấn về các chính sách phát triển kinh tế số và tài chính công nghệ cao. Định hướng này giúp Đà Nẵng tận dụng lợi thế vị trí, nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi cho doanh nghiệp. Đây là

minh chứng rõ nét cho vai trò của DUE trong việc tư vấn và phân biện chính sách, giúp thành phố xây dựng các chiến lược phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả tư vấn chính sách, cần tăng cường hợp tác giữa trường đại học và chính quyền trong nghiên cứu tài chính số, thương mại điện tử và logistics. Việc ứng dụng công nghệ như Big Data và AI trong nghiên cứu tài chính sẽ giúp nâng cao năng lực dự báo và phân tích chính sách. Đồng thời, phát triển các chương trình đào tạo về fintech, thương mại số và quản lý logistics sẽ giúp nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và doanh nghiệp. Học hỏi kinh nghiệm từ các trường đại học quốc tế như Harvard Kennedy School về tư vấn chính sách tài chính công, LSE về phát triển thị trường tài chính và NUS về kinh tế số cũng là một hướng đi quan trọng.

Nhìn chung, với nền tảng nghiên cứu vững chắc, DUE đang khẳng định vai trò trung tâm trong tư vấn và phân biện chính sách tài chính, thương mại và kinh tế số, góp phần thúc đẩy Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính và đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực.

3.1.6. Phát triển du lịch bền vững và kinh tế biển

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (DUE) đã có những đóng góp quan trọng trong nghiên cứu, phân biện và tư vấn chính sách nhằm phát triển du lịch bền vững và kinh tế biển. Những nghiên cứu này không chỉ cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định chính sách địa phương mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Trước hết, các nghiên cứu của DUE tập trung vào đánh giá sức chứa điểm đến du lịch, năng lực cạnh tranh du lịch biển đảo và liên kết phát triển du lịch theo tuyến Hành lang Kinh tế Đông Tây. Việc đánh giá sức chứa điểm đến tại Khánh Hòa hay phân tích năng

lực cạnh tranh du lịch biển đảo là những đóng góp quan trọng giúp địa phương xác định giới hạn phát triển, tránh tình trạng quá tải hạ tầng du lịch và suy giảm tài nguyên môi trường. Điều này phù hợp với Lý thuyết Phát triển bền vững, nhấn mạnh việc cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và tiến bộ xã hội.

DUE cũng tham gia nghiên cứu các mô hình phục hồi du lịch sau COVID-19, đánh giá tác động của du lịch đến tăng trưởng kinh tế Quảng Nam và đề xuất mô hình phát triển du lịch đường bộ kết nối các tỉnh miền Trung. Những nghiên cứu này có ý nghĩa thực tiễn cao, giúp chính quyền và doanh nghiệp du lịch xác định chiến lược khôi phục ngành một cách bền vững. Theo Mô hình Tam giác tri thức (Triple Helix Model), sự hợp tác giữa trường đại học - chính quyền - doanh nghiệp là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển du lịch có định hướng và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, DUE đã có nhiều nghiên cứu về kinh tế biển, trong đó nổi bật là đánh giá vai trò của các khu kinh tế ven biển trong quy hoạch vùng. Những nghiên cứu này giúp chính quyền địa phương có cái nhìn rõ hơn về vai trò của các khu kinh tế trong thúc đẩy đầu tư, phát triển logistics và kinh tế biển. Lý thuyết Hệ thống Đổi mới Quốc gia (NIS) nhấn mạnh rằng, các chính sách về kinh tế biển và du lịch không chỉ đơn thuần là phát triển hạ tầng mà còn cần có sự đổi mới trong cách quản lý, thu hút đầu tư và phát triển công nghệ. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các trường đại học trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho các chiến lược dài hạn.

Ngoài ra, nghiên cứu về du lịch trực tuyến và thương mại điện tử trong ngành du lịch cũng là một hướng tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế chuyển đổi số của ngành dịch vụ. DUE đã phân tích các cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp lữ hành Đà Nẵng trong việc ứng dụng công nghệ, góp phần đưa ra

khuyến nghị về chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong ngành du lịch. Đây là minh chứng cho Lý thuyết Quản trị công mới (New Public Management - NPM), nhấn mạnh vào việc sử dụng công nghệ để tối ưu hóa hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

Về liên kết vùng, DUE đã có nhiều tham luận về hợp tác phát triển du lịch Duyên hải Miền Trung, kết nối du lịch với Hành lang Kinh tế Đông Tây và thúc đẩy mô hình hợp tác doanh nghiệp du lịch. Việc nghiên cứu liên kết vùng giúp tạo ra chuỗi giá trị du lịch, gia tăng hiệu quả khai thác tài nguyên và mở rộng thị trường khách du lịch quốc tế. Lý thuyết Kinh tế học thể chế của North chỉ ra rằng, các chính sách phát triển du lịch và kinh tế biển không chỉ phụ thuộc vào yếu tố thị trường mà còn bị chi phối bởi thể chế và môi trường kinh doanh. Do đó, sự tham gia của DUE trong việc tư vấn chính sách giúp cải thiện khung pháp lý, tháo gỡ rào cản trong liên kết vùng và tạo điều kiện cho phát triển bền vững.

Nhìn chung, với những đóng góp quan trọng trong nghiên cứu và tư vấn chính sách, DUE đã thể hiện rõ vai trò của một trung tâm khoa học đóng góp vào hoạch định chính sách du lịch bền vững và kinh tế biển. Tuy nhiên, để gia tăng tác động thực tiễn, cần đẩy mạnh hợp tác với chính quyền và doanh nghiệp trong việc triển khai các giải pháp đã đề xuất, đồng thời áp dụng công nghệ dữ liệu lớn và AI trong phân tích xu hướng du lịch, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch miền Trung trong dài hạn.

3.2. Tác động của các hoạt động tư vấn và phân biện chính sách của DUE

Thứ nhất, DUE đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương và quốc gia thông qua các nghiên cứu đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), đề xuất giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh và thu

hút đầu tư. Các nghiên cứu này giúp chính quyền địa phương nhận diện điểm mạnh, điểm yếu trong quản lý kinh tế, từ đó đưa ra các chính sách phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Điều này phù hợp với lý thuyết Kinh tế học thể chế của North (1990), nhấn mạnh vai trò của thể chế và chính sách trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế.

Thứ hai, các nghiên cứu của DUE đã thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế vùng thông qua các đề tài về đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và chuyển đổi số. Những nghiên cứu này cung cấp luận cứ khoa học cho quá trình tái cơ cấu kinh tế, hướng tới phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, DUE đã tham gia tư vấn xây dựng Nghị quyết 26-NQ/TW về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, giúp định hình chiến lược phát triển cho khu vực.

Thứ ba, DUE đã có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển kinh tế biển và logistics, thông qua các nghiên cứu về tác động của logistics đối với hiệu quả doanh nghiệp và đề xuất các giải pháp phát triển chuỗi cung ứng, khu thương mại tự do và trung tâm tài chính. Các nghiên cứu này phù hợp với Mô hình Tam giác tri thức (Triple Helix Model) của Etzkowitz và Leydesdorff (1997), nhấn mạnh sự phối hợp giữa trường đại học, chính quyền và doanh nghiệp để phát triển kinh tế vùng.

Thứ tư, DUE đã hỗ trợ phát triển tài chính, thương mại và kinh tế số thông qua các nghiên cứu về thanh khoản thị trường chứng khoán, thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ số trong tài chính. Những nghiên cứu này giúp nâng cao hiệu quả vận hành của thị trường tài chính, đồng thời tạo nền tảng cho việc phát triển trung tâm tài chính khu vực tại Đà Nẵng, thúc đẩy dòng vốn đầu tư và hiện đại hóa hệ thống tài chính quốc gia.

Thứ năm, trong lĩnh vực du lịch bền vững và phát triển chuỗi giá trị ngành dịch vụ, các nghiên cứu của DUE đã giúp định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch biển đảo và phát triển liên kết du lịch trong khu vực. Những nghiên cứu này cung cấp dữ liệu thực tiễn, giúp các tỉnh miền Trung tận dụng lợi thế du lịch biển và hướng tới phát triển du lịch chất lượng cao.

Thứ sáu, DUE đã có những đóng góp quan trọng trong việc cải thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực và quản lý lao động, thông qua các nghiên cứu về cung - cầu lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Những nghiên cứu này đã hỗ trợ các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên trong việc hoạch định chính sách giáo dục và đào tạo nghề, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

Thứ bảy, DUE đã tham gia vào quá trình hoạch định chính sách quốc gia và địa phương, đóng góp ý kiến vào Văn kiện Đại hội Đảng từ Đại hội X đến XIII, tư vấn xây dựng Nghị quyết 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và cơ chế đặc thù phát triển Đà Nẵng. Những đóng góp này giúp nâng cao tính thực tiễn và khả thi của các chính sách, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện địa phương và xu hướng hội nhập.

Thứ tám, thông qua Báo cáo thường niên kinh tế Đà Nẵng, DUE đã cung cấp các đánh giá toàn diện về thực trạng kinh tế, động lực tăng trưởng và các chính sách quan trọng giúp thành phố phát triển bền vững. Báo cáo năm 2024 với chủ đề “Cải thiện năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững” đã đưa ra các khuyến nghị về thể chế, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh và thu hút đầu tư, góp phần giúp Đà Nẵng xây dựng chiến lược dài hạn phù hợp với bối cảnh hội nhập.

Tổng kết lại, các hoạt động tư vấn và phản biện chính sách của DUE đã có tác động sâu rộng đến sự phát triển của miền Trung và Việt Nam, từ việc nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, hỗ trợ phát triển kinh tế biển, du lịch, tài chính đến quản lý nguồn nhân lực. Tuy nhiên, để tiếp tục phát huy vai trò, DUE cần mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong nghiên cứu chính sách và phát triển các chương trình đào tạo chuyên sâu cho cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp. Với những định hướng này, DUE sẽ tiếp tục khẳng định vị thế là trung tâm tư vấn chính sách hàng đầu của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và Việt Nam, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững và hội nhập quốc tế.

3.3. Thách thức và hạn chế các hoạt động tư vấn và phản biện chính sách của DUE

Thứ nhất, quy mô và phạm vi ảnh hưởng còn hạn chế. So với các trường đại học hàng đầu thế giới như Harvard Kennedy School (HKS), London School of Economics (LSE) hay National University of Singapore (NUS), quy mô và phạm vi ảnh hưởng của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (DUE) trong tư vấn và phản biện chính sách vẫn còn hạn chế. Các trường quốc tế này có hệ thống nghiên cứu mạnh, mạng lưới đối tác toàn cầu, và nguồn tài trợ dồi dào từ chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế. Trong khi đó, DUE chủ yếu tập trung vào khu vực miền Trung - Tây Nguyên, chưa mở rộng mạnh mẽ tầm ảnh hưởng ra cấp quốc gia và quốc tế.

Thứ hai, thiếu nguồn lực tài chính và nhân lực chuyên sâu. Các trường đại học lớn như Kinh tế Quốc dân (NEU), Kinh tế TP.HCM (UEH) hay các trường thuộc ĐHQG có lợi thế về ngân sách, quy mô đội ngũ nghiên cứu và kết nối với các tổ chức quốc tế mạnh mẽ hơn. DUE, mặc dù có đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, vẫn còn gặp khó khăn về nguồn lực

tài chính để triển khai các nghiên cứu lớn, dài hạn mang tính chiến lược. Việc tiếp cận các quỹ nghiên cứu quốc tế như WB, IMF, UNDP vẫn chưa được khai thác tối đa, dẫn đến hạn chế về năng lực triển khai các dự án nghiên cứu quy mô lớn.

Thứ ba, thiếu hệ thống dữ liệu lớn (Big Data) và công cụ phân tích hiện đại. Các trường đại học hàng đầu thế giới đã tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), mô hình dự báo kinh tế hiện đại vào nghiên cứu chính sách, giúp nâng cao chất lượng tư vấn. Trong khi đó, DUE vẫn còn dựa nhiều vào phương pháp nghiên cứu truyền thống, chưa khai thác hiệu quả công nghệ phân tích dữ liệu. Việc ứng dụng các công cụ mô phỏng, dự báo kinh tế, phân tích chính sách bằng công nghệ cao vẫn còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng dự báo chính xác và cung cấp giải pháp mang tính dài hạn.

Thứ tư, mức độ tham gia vào hoạch định chính sách quốc gia còn khiêm tốn. Mặc dù DUE đã có những đóng góp trong việc tư vấn cho Nghị quyết 26-NQ/TW và Nghị quyết 136/2024/QH15, nhưng so với các trường như NEU, UEH hay Fulbright University Vietnam (FUV), mức độ tham gia vào các chính sách vĩ mô cấp quốc gia vẫn chưa thực sự nổi bật. Các trường như HKS, LSE không chỉ tư vấn mà còn tham gia trực tiếp vào các cơ quan hoạch định chính sách của chính phủ, trong khi DUE chủ yếu dừng lại ở mức độ phản biện và đề xuất.

Thứ năm, thiếu sự liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp và chính quyền trong nghiên cứu ứng dụng. Các mô hình như Triple Helix (Đại học - Chính quyền - Doanh nghiệp) đã được áp dụng rộng rãi tại HKS, LSE, NUS nhưng tại DUE, mối liên kết giữa nghiên cứu hàn lâm và thực tiễn doanh nghiệp, chính quyền vẫn chưa thực sự chặt chẽ. Các nghiên cứu vẫn mang tính học thuật cao, thiếu tính ứng dụng cụ thể vào thực tiễn doanh nghiệp và chính sách công.

Thứ sáu, thiếu các chương trình đào tạo chuyên biệt về tư vấn và phân biện chính sách. Các trường như HKS có những chương trình đào tạo về chính sách công, quản trị công, phân tích chính sách, giúp đào tạo ra những chuyên gia tư vấn chính sách chuyên nghiệp. Trong khi đó, DUE chưa có chương trình đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực này, khiến đội ngũ nghiên cứu và sinh viên chưa có nhiều cơ hội tiếp cận với những phương pháp phân tích chính sách tiên tiến.

3.4. Các định hướng phát triển

Dựa trên những tác động tích cực và những hạn chế đã được nhận diện trong hoạt động tư vấn, phân biện chính sách của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (DUE), trong những năm tới, nhà trường cần triển khai các định hướng phát triển sau đây nhằm nâng cao hiệu quả, quy mô và tầm ảnh hưởng của các hoạt động này:

Thứ nhất, xây dựng và phát triển Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Kinh tế - Xã hội miền Trung với tư cách là đơn vị đầu mối chuyên trách các hoạt động nghiên cứu, tư vấn và phân biện chính sách cấp địa phương, vùng và quốc gia. Trung tâm sẽ tập trung vào các lĩnh vực chiến lược như kinh tế vùng, tài chính công, kinh tế số, phát triển bền vững và đô thị hóa. Để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Kinh tế - Xã hội miền Trung và khắc phục hạn chế về nhân lực, dữ liệu và tầm ảnh hưởng, DUE đề xuất lộ trình sau: (i) 0-6 tháng (Chuẩn bị): thành lập Ban Chỉ đạo, tuyển lãnh đạo và nhóm cốt cán, xác định tầm nhìn, sứ mệnh và lĩnh vực ưu tiên (kinh tế vùng, tài chính công, kinh tế số, bền vững, đô thị hóa). (ii) 6-18 tháng (Khởi động): triển khai hạ tầng số (cơ sở dữ liệu, Big Data-AI), ký hợp tác với viện, cơ sở nghiên cứu ở Hà Nội, Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), hoàn thành ba dự án thí điểm về kinh tế số, đô thị thông minh và tài chính công,

thiết lập quy trình “một cửa” nghiên cứu - tư vấn. (iii) 18-36 tháng (Mở rộng): nhân rộng mô hình ra 9 tỉnh miền Trung-Tây Nguyên, bàn giao các báo cáo vùng và đề xuất lên Trung ương; tổ chức 4 khóa đào tạo chuyên sâu; khởi động hội thảo quốc tế thường niên. (iv) 36-60 tháng (Ổn định): nâng cấp Trung tâm thành đơn vị pháp nhân, mở rộng đội ngũ lên 30-40 chuyên gia; cung cấp dịch vụ tư vấn quốc tế; duy trì 10 dự án quốc gia và 20 nghiên cứu vùng mỗi năm; đánh giá, cập nhật khung chính sách định kỳ. Lộ trình này đảm bảo Trung tâm sớm trở thành đầu mối tư vấn - phân biện chiến lược, góp phần tạo đột phá trong chính sách kinh tế - xã hội vùng và cả nước.

Thứ hai, phát triển mô hình nghiên cứu liên ngành, kết hợp giữa các chuyên ngành kinh tế, quản trị công, khoa học dữ liệu và chính sách công để nâng cao chất lượng phân tích và đưa ra các giải pháp chính sách toàn diện, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của quá trình phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Thứ ba, đẩy mạnh hợp tác với chính quyền địa phương và doanh nghiệp, hình thành các chương trình hợp tác tư vấn chiến lược theo đơn đặt hàng của các tỉnh, thành và khu vực miền Trung - Tây Nguyên. DUE cần đóng vai trò là “cánh tay học thuật” cho chính quyền trong việc xây dựng, giám sát và đánh giá các chính sách phát triển.

Thứ tư, mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế, tăng cường kết nối với các trung tâm nghiên cứu chính sách hàng đầu như Harvard Kennedy School (Hoa Kỳ), LSE (Anh), NUS (Singapore), đồng thời liên kết với các tổ chức quốc tế như WB, ADB, UNDP... để nâng cao trình độ chuyên môn và chuẩn mực quốc tế trong tư vấn, phân biện chính sách.

Thứ năm, ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ mô hình hóa hiện đại trong quá trình

nghiên cứu và tư vấn chính sách nhằm nâng cao tính dự báo, chính xác và kịp thời cho các khuyến nghị chính sách.

Thứ sáu, tăng cường năng lực công bố và truyền thông chính sách, thông qua việc xuất bản các báo cáo thường niên, ấn phẩm chính sách công, các bài viết trên tạp chí khoa học quốc tế và các kênh truyền thông chính thống để lan tỏa tác động của các nghiên cứu đến công chúng và nhà hoạch định chính sách.

Thứ bảy, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia tư vấn chính sách, phát triển các chương trình đào tạo chuyên sâu về phân tích chính sách, quản trị công, kinh tế ứng dụng và quản lý dự án công dành cho giảng viên, cán bộ nghiên cứu và học viên cao học nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác tư vấn.

Thứ tám, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu vùng và địa phương, phục vụ cho nghiên cứu định lượng, đánh giá chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với đặc điểm từng địa phương.

4. Kết luận

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng đã và đang từng bước trở thành một chủ thể trung tâm trong hệ sinh thái hoạch định và thực thi chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Với hệ thống nghiên cứu khoa học vững chắc, sự tham gia sâu rộng vào các chương trình tư vấn cấp địa phương, vùng và quốc gia, cùng khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền - doanh nghiệp - giới học thuật, DUE đã đóng góp tích cực vào nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế số, du lịch, tài chính và kinh tế biển của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Tuy nhiên, để phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò này, DUE cần vượt qua những thách thức về nguồn lực, công nghệ và tầm ảnh hưởng quốc tế. Trong thời gian tới, với định hướng đúng đắn, mở rộng hợp tác quốc tế, ứng dụng công

nghệ hiện đại và đào tạo đội ngũ chuyên gia tư vấn chuyên sâu, DUE có thể khẳng định vị thế là một trung tâm phản biện, tư vấn chính sách có tầm vóc quốc gia và khu vực, đồng hành cùng sự nghiệp phát triển bền vững của Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Akerlof, G. A. (1970). The Market for “Lemons”: Quality Uncertainty and the Market Mechanism. *The Quarterly Journal of Economics*, 84(3), 488-500. <https://doi.org/10.2307/1879431>
- Ankrah, S., & Omar, A. T. (2015). Universities-industry collaboration: A systematic review. *Scandinavian journal of management*, 31(3), 387-408. <https://doi.org/10.1016/j.scaman.2015.02.003>
- Becker, G. S. (1964). *Human capital: a theoretical and empirical analysis, with special reference to education*. Chicago: University of Chicago Press.
- Bộ Chính trị. (2022). *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Bùi Quang Bình, Ninh Thị Thu Thủy, Nguyễn Chín, Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Thị Thu Hà, Trần Thị Thúy Ngọc, Bùi Quang Trung, Trần Thị Phương, & Nguyễn Tường Minh. (2015). *Nghiên cứu TFP trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Nam thời kỳ 1997-2013: Trường hợp ngành công nghiệp tỉnh Quảng Nam*. Mã số: 27/TB-SKHCN (Đề tài cấp Thành phố).
- Bùi Quang Bình, Ninh Thị Thu Thủy, Đoàn Thị Lan Phương, Nguyễn Thị Thu Hà, Ông Nguyễn Chương, Nguyễn Thị Phương Thảo, & Trần Thị Thúy Ngọc. (2016). *Tác động của biến động dân số tới phát triển kinh tế xã hội Việt Nam*. Mã số: Kinh tế-II.6.2 (Đề tài cấp Nhà nước).
- Đặng Tùng Lâm, Nguyễn Mạnh Toàn, Võ Thị Thúy Anh, Huỳnh Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Minh Huệ, Trần Đăng Khâm, & Lily Nguyễn. (2019). *Tác động của báo chí truyền thông đến thanh khoản và tính thông tin của giá cổ phiếu, và vai trò của môi trường thể chế quốc gia*. Mã số: 502.02-2015.07 (Đề tài Nafosted).
- Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (1997). *Universities and the Global Knowledge Economy: A Triple Helix of University-Industry-Government Relations*. Pinter Publishers.
- Freeman, C. (1987). *Technology Policy and Economic Performance: Lessons from Japan*. Pinter Publishers.
- Geiger, R. L. (2004). *Knowledge and money: Research universities and the paradox of the marketplace*. Stanford University Press.
- Hood, C. (1991). A public management for all seasons?. *Public administration*, 69(1), 3-19. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9299.1991.tb00779.x>
- Lewis, W. A. (1954). Economic development with unlimited supplies of labour. *The Manchester School*, 22(2), 139-191. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9957.1954.tb00021.x>
- Lê Quang Cảnh. (2018). Trách nhiệm xã hội của trường đại học thông qua nghiên cứu và tư vấn chính sách. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 20(1), 61-70.

- Lundvall, B. A. (1992). *National systems of innovation: towards a theory of innovation and interactive learning*. Pinter Publishers.
- Nguyễn Quốc Chiến. (2020). Đổi mới giáo dục đại học và vai trò trong tư vấn chính sách công. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, 115(2), 34-38.
- Nguyễn Thanh Nga, Lê Quang Thuận. (2024). *Phát triển các tổ chức nghiên cứu - tư vấn chính sách trong lĩnh vực tài chính công*. Truy cập ngày 10/03/2025, từ <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/9123/phat-trien-cac-to-chuc-nghien-cuu--tu-van-chinh-sach-trong-linh-vuc-tai-chinh-cong.aspx>
- Nguyễn Văn Tuấn. (2017). Phản biện xã hội - Vai trò của đại học trong bối cảnh hội nhập. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 37(7), 45-50.
- Nhật Minh. (2025). *Những chuyển động trong định hướng nghiên cứu ở trường đại học*. Truy cập ngày 10/03/2025, từ <https://vnexpress.net/nhung-chuyen-dong-trong-dinh-huong-nghien-cuu-o-truong-dai-hoc-4860360.html>
- North, D. C. (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511808678>
- Quốc hội. (2024). *Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/06/2024 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng*.
- Romer, P. M. (1990). Endogenous technological change. *Journal of political Economy*, 98(5, Part 2), S71-S102. <https://doi.org/10.1086/261725>
- Sabatier, P. A. (1998). The Advocacy Coalition Framework: Revisions and Relevance for Europe. *Journal of European Public Policy*, 5(1), 98-130. <https://doi.org/10.1080/13501768880000051>
- Trần Quang Bách. (2021). *Đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến liên kết trường đại học công lập - trong bối cảnh tự chủ*. Truy cập ngày 10/03/2025, từ <https://tapchicongthuong.vn/de-xuat-mo-hinh-nghien-cuu-cac-nhan-to-anh-huong-den-lien-ket-truong-dai-hoc-cong-lap-trong-boi-canhh-tu-chu-85959.htm>
- Trương Bá Thanh, Bùi Quang Bình, Đào Hữu Hòa, & Nguyễn Hiệp. (2015). *Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*. Mã số: KX.04/11-15 (Đề tài cấp Nhà nước).
- Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội - UEB. (2025). *Dấu ấn nghiên cứu và tư vấn chính sách nổi bật của chuyên gia UEB trong năm 2024*. Truy cập ngày 10/03/2025, từ <https://ueb.edu.vn/Tin-Tuc/UEB/dau-an-nghien-cuu-va-tu-van-chinh-sach-noi-bat-cua-chuyen-gia-ueb-trong-nam-2024/43292>